

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*B, ngày 02 tháng 7 năm 2020*

Số: 70/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 109/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Mai Văn D, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Xóm 3, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Xóm 3, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 24 tháng 6 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 24 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về con chung: Anh D và chị T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Mai Bảo L, sinh ngày 03/8/1998; Mai Ngọc L, sinh ngày

10/5/2001 và Mai Thị Quỳnh N, sinh ngày 28/11/2007. Anh chị thỏa thuận 02 người con là L và L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn người con Mai Thị Quỳnh N giao cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh D và chị T thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh D và chị T thỏa thuận anh D chịu toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai số 0003492 ngày 09 tháng 6 năm 2020. Anh D được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND xã Liên Trạch;
- Lưu HSVA; VP.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Đỗ Quốc Tân**